

Số: 73 /2026/QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày 14 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Hệ thống giám sát các nhiệm vụ được giao từ các thông báo kết luận, văn bản giao nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Căn cứ Quyết định số 42/2014/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao;

Căn cứ Quyết định số 23/2018/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao ban hành kèm theo Quyết định số 42/2014/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2014;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Hệ thống giám sát các nhiệm vụ được giao từ các thông báo kết luận, văn bản giao nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Hệ thống giám sát các nhiệm vụ được giao từ các thông báo kết luận, văn bản giao nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân

các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 7 năm 2026.
2. Quyết định này bãi bỏ các Quyết định sau:

a) Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân nhân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao;

b) Quyết định số 09/2020/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao;

c) Quyết định số 08/2023/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao ban hành kèm theo Quyết định số 09/2020/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre;

d) Quyết định số 1948/QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân nhân tỉnh Trà Vinh ban hành quy chế theo dõi, thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao trên hệ thống theo dõi nhiệm vụ tỉnh.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ: KHCN, Công an;
- Cục KTVB&TCTHPL – Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT. UBNDTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (cập nhật CSDLQG về pháp luật);
- Báo và phát thanh, truyền hình Vĩnh Long;
- Trung tâm Thông tin điều hành (đăng công báo);
- Các Phòng: KGVX, TH;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quỳnh Thiện



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH VINH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Hệ thống giám sát các nhiệm vụ được giao từ các thông báo kết luận, văn bản giao nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

(Ban hành kèm theo Quyết định số 73 /2026/QĐ-UBND)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Quy chế này quy định về công tác quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Hệ thống giám sát các nhiệm vụ được giao từ các thông báo kết luận, văn bản giao nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long (sau đây gọi là Hệ thống giám sát);

b) Quy chế này không áp dụng đối với việc chia sẻ dữ liệu số chứa thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước được quy định tại Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng đối với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, các cơ quan, đơn vị có liên quan đến quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Hệ thống giám sát các nhiệm vụ được giao từ các thông báo kết luận, văn bản giao nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây viết tắt là cơ quan, đơn vị, địa phương).

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Hệ thống giám sát các nhiệm vụ được giao từ các thông báo kết luận, văn bản giao nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là hệ thống thông tin phục vụ việc tổng hợp, theo dõi, giám sát và báo cáo tình hình thực hiện các nhiệm vụ được giao của Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao bao gồm: soạn thảo và trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc cơ quan, người có thẩm quyền ban hành, phê duyệt hoặc ban hành, phê duyệt theo thẩm quyền các đề án, báo cáo, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính; những nhiệm vụ cụ thể khác được giao thực hiện trong các văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (không bao gồm các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của các cơ quan, đơn vị).

3. Các văn bản giao nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bao gồm: các Quyết định, Chỉ thị, Quy chế, Quy định, Chương

trình, Kế hoạch, Hướng dẫn, Đề án, Công văn, Công điện, các văn bản khác có nội dung giao nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Bảo đảm tuân thủ Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh và các quy định của pháp luật về theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao.

2. Tất cả nhiệm vụ cụ thể trong các thông báo kết luận, văn bản giao nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phải có đơn vị thực hiện, thời gian hoàn thành và phải được cập nhật thông tin kịp thời, đầy đủ vào Hệ thống giám sát.

3. Bảo đảm tính chủ động, có sự phân công trách nhiệm rõ ràng và phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, các cơ quan, đơn vị có liên quan để cùng hoàn thành nhiệm vụ.

4. Kết hợp chặt chẽ với việc xây dựng, quản lý, kiểm tra và đánh giá tình hình thực hiện chương trình công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật trong hệ thống hành chính nhà nước; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Đảm bảo liên thông, chia sẻ cơ sở dữ liệu và kết nối với các hệ thống dùng chung của tỉnh phục vụ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan khai thác, sử dụng.

Chương II

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG GIÁM SÁT CÁC NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO TỪ CÁC THÔNG BÁO KẾT LUẬN, VĂN BẢN GIAO NHIỆM VỤ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VÀ CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Điều 4. Quản lý, vận hành Hệ thống giám sát các nhiệm vụ được giao từ các thông báo kết luận, văn bản giao nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Chủ trì tổ chức quản lý, vận hành, nâng cấp, quản trị và duy trì hoạt động của Hệ thống giám sát, đảm bảo kết nối, ổn định, trao đổi dữ liệu thông suốt, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin theo quy định.

b) Tổ chức quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định tại Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22/10/2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai, hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao, đảm

bảo kịp thời, hiệu quả và đúng quy định; tổ chức đào tạo, tập huấn sử dụng Hệ thống giám sát, chức năng giao nhiệm vụ, xử lý các nhiệm vụ được giao trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành;

d) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình vận hành, khai thác Hệ thống giám sát theo định kỳ hoặc đột xuất.

2. Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Là đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ được giao trên Hệ thống giám sát; kiểm tra, rà soát, cập nhật đầy đủ thông tin giao nhiệm vụ và thực hiện giao nhiệm vụ từ các thông báo kết luận, văn bản chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thực hiện giao việc trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh, bảo đảm chuyển đầy đủ đến các cơ quan, đơn vị có liên quan để tổ chức thực hiện; phục vụ công tác theo dõi, giám sát trên Hệ thống giám sát, bảo đảm đúng tiến độ, thẩm quyền và quy trình xử lý theo quy định.

b) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc vận hành, khai thác Hệ thống giám sát; kịp thời phản ánh các khó khăn, vướng mắc, lỗi kỹ thuật phát sinh trong quá trình sử dụng Hệ thống giám sát để được hỗ trợ, xử lý;

c) Thường xuyên theo dõi, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan thông qua Hệ thống giám sát; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện nhiệm vụ, các nhiệm vụ chậm tiến độ, chưa hoàn thành hoặc có vấn đề phát sinh;

d) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo xử lý đối với các trường hợp không cập nhật thông tin, cập nhật không đầy đủ, không đúng thời hạn hoặc không thực hiện đúng các nhiệm vụ được giao trên Hệ thống giám sát theo quy định.

Điều 5. Quản lý và sử dụng tài khoản

1. Việc cấp, quản lý, phân quyền và thu hồi tài khoản truy cập Hệ thống giám sát do đơn vị quản lý, vận hành Hệ thống giám sát thực hiện theo quy định.

2. Tổ chức, cá nhân được cấp tài khoản có trách nhiệm quản lý, sử dụng tài khoản đúng mục đích; bảo mật thông tin đăng nhập; không chia sẻ, cho mượn tài khoản hoặc sử dụng tài khoản trái quy định của pháp luật.

Điều 6. Tích hợp trên hệ thống Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh của tỉnh

1. Hệ thống giám sát được kết nối, tích hợp với Trung tâm giám sát, điều hành thông minh của tỉnh (Hệ thống IOC Vĩnh Long tại địa chỉ: <https://ioc.vinhlong.gov.vn>) để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Việc chia sẻ, khai thác dữ liệu được thực hiện theo quy định của pháp luật về kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước; bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu theo quy định.

Chương III

KHAI THÁC, SỬ DỤNG HỆ THỐNG GIÁM SÁT CÁC NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO TỪ CÁC THÔNG BÁO KẾT LUẬN, VĂN BẢN GIAO NHIỆM VỤ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VÀ CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Mục 1

CẬP NHẬT THÔNG TIN

Điều 7. Trách nhiệm và quy trình

1. Đối với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: khi ban hành thông báo kết luận, văn bản chỉ đạo, điều hành, văn bản giao nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện kiểm tra, rà soát, cập nhật đầy đủ thông tin giao nhiệm vụ và thực hiện giao nhiệm vụ từ các thông báo kết luận, văn bản chỉ đạo, điều hành, văn bản giao nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thực hiện giao việc trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh, bảo đảm chuyển đầy đủ đến các cơ quan, đơn vị có liên quan để tổ chức thực hiện; phục vụ công tác theo dõi, giám sát trên Hệ thống giám sát, bảo đảm đúng tiến độ, thẩm quyền và quy trình xử lý theo quy định.

2. Đối với cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan:

a) Trên cơ sở các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao được cập nhật trên Hệ thống giám sát, các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm theo dõi, tổ chức thực hiện và phản hồi kết quả thực hiện bằng văn bản đối với các nhiệm vụ được giao theo đúng quy trình, nghiệp vụ trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh; bảo đảm thông tin, dữ liệu được cập nhật, đồng bộ đầy đủ, chính xác và kịp thời lên Hệ thống giám sát. Trường hợp nội dung nhiệm vụ được cập nhật và chuyển đến chưa chính xác hoặc không thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị, địa phương mình; trong thời hạn 02 ngày làm việc phải trao đổi, thông báo kịp thời cho Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để điều chỉnh hoặc chuyển đến các cơ quan, đơn vị, địa phương khác thực hiện theo quy định;

b) Thường xuyên theo dõi tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ trên Hệ thống giám sát.

Điều 8. Thời hạn cập nhật thông tin

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm cập nhật đầy đủ thông tin giao nhiệm vụ và thực hiện giao nhiệm vụ trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh, đảm bảo đồng bộ kịp thời với Hệ thống giám sát phục vụ công tác theo dõi:

- a) Ngay sau khi ban hành đối với văn bản khẩn, hỏa tốc;
- b) Không quá 01 ngày làm việc đối với các văn bản thông thường;
- c) Không quá 02 ngày làm việc đối với văn bản chỉ đạo, điều hành gồm nhiều nhiệm vụ, liên quan đến nhiều cơ quan, đơn vị.

2. Đối các cơ quan, đơn vị, địa phương:

a) Đối với nhiệm vụ giao có thời hạn thực hiện: kể từ ngày nhiệm vụ được giao đến thời hạn phải hoàn thành thì các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm theo dõi, tổ chức thực hiện và phản hồi kết quả thực hiện nhiệm vụ bằng văn bản đối với các nhiệm vụ được giao theo đúng quy trình, nghiệp vụ trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh; bảo đảm thông tin, dữ liệu được cập nhật, đồng bộ đầy đủ, chính xác và kịp thời lên Hệ thống giám sát;

b) Đối với nhiệm vụ giao không có thời hạn thực hiện: phải cập nhật tình hình thực hiện theo quý, 6 tháng, năm hoặc khi có kết quả thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Điều 9. Theo dõi, trao đổi, xử lý thông tin

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra thông tin về tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao trên Hệ thống giám sát và số liệu trong các báo cáo của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Trường hợp phát hiện thông tin cập nhật, số liệu cập nhật không chính xác với thực tế hoặc sai lệch, chủ động trao đổi kịp thời với các cơ quan, đơn vị, địa phương để điều chỉnh.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương:

a) Theo dõi, kiểm tra thông tin về tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao trên Hệ thống giám sát và số liệu trong các báo cáo của các cơ quan, đơn vị trực thuộc;

b) Trường hợp thông tin cập nhật, số liệu báo cáo của cơ quan mình không chính xác với thực tế hoặc sai lệch so với thông tin trên Hệ thống giám sát, phải rà soát, điều chỉnh lại hoặc trao đổi, thông báo kịp thời với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh bằng văn bản, fax hoặc qua điện thoại, thư điện tử để có hướng xử lý đối với các trường hợp này;

c) Chịu trách nhiệm về thời hạn cập nhật và tính chính xác, đầy đủ của các thông tin về tiến độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao của cơ quan, đơn vị, địa phương mình theo quy định của Quy chế này.

Mục 2

THEO DÕI, ĐƠN ĐỐC

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn theo dõi, đơn đốc

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Theo dõi, đơn đốc việc thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao các cơ quan, đơn vị, địa phương; chủ động, thường xuyên đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, công việc được giao của các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo xử lý những khó khăn, vướng mắc, các vấn đề phát sinh hoặc nội dung còn có ý kiến khác nhau trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao, bảo đảm thực hiện đúng tiến độ và hiệu quả.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan:

a) Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị được phân công chủ trì thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao phải chủ động, thường xuyên theo dõi, đơn đốc việc thực hiện nhiệm vụ trên Hệ thống giám sát. Đồng thời theo dõi, đơn đốc Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực được phân công; kịp thời chấn chỉnh, khắc phục những sai sót theo thẩm quyền.

b) Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị có chức năng phối hợp thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao có trách nhiệm theo dõi, đơn đốc việc thực hiện nhiệm vụ được giao; kịp thời cung cấp thông tin về tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ phối hợp cho cơ quan chủ trì thực hiện.

c) Ủy ban nhân dân các xã, phường chủ động đơn đốc, theo dõi việc thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao cơ quan mình; trong phạm vi thẩm quyền, thường xuyên theo dõi, đơn đốc các phòng, ban, cơ quan trực thuộc trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, bảo đảm đúng thời hạn, yêu cầu, hiệu quả.

Điều 11. Nội dung theo dõi, đơn đốc

1. Theo dõi, đơn đốc việc phân loại nhiệm vụ trong các thông báo kết luận, văn bản giao nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; theo dõi các nhiệm vụ được giao trên Hệ thống giám sát.

2. Theo dõi, đơn đốc tình hình thực hiện nhiệm vụ Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao và việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh hoặc yêu cầu phải điều chỉnh các nhiệm vụ; xử lý đối với các trường hợp chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đúng các nhiệm vụ được giao.

Điều 12. Hình thức theo dõi, đôn đốc

1. Thông qua Hệ thống giám sát.
2. Thông qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành.
3. Thông qua báo cáo định kỳ hoặc đột xuất.
4. Qua làm việc, trao đổi trực tiếp.
5. Qua điện thoại, thư điện tử công vụ, fax, ...
6. Qua công tác kiểm tra.

Mục 3

KIỂM TRA THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn kiểm tra

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Tham mưu, kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Tổ Công tác của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây gọi là Tổ Công tác) để tiến hành kiểm tra thường xuyên hoặc đột xuất các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao;

b) Làm đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao;

c) Ủy ban nhân dân tỉnh giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên thực hiện kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao các cơ quan, đơn vị, địa phương; kiểm tra việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Quy chế này.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị, địa phương:

a) Thực hiện kiểm tra việc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao;

b) Kiểm tra việc cập nhật, theo dõi, đôn đốc việc chấp hành chế độ thông tin, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao trong nội bộ cơ quan mình, cơ quan, đơn vị trực thuộc và các cơ quan liên quan trong phạm vi quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực được phân công.

Điều 14. Nội dung kiểm tra

1. Kiểm tra việc tổ chức, triển khai và tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

2. Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao trên Hệ thống giám sát.

3. Kiểm tra việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về tình hình thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao các cơ quan, đơn vị.

Điều 15. Hình thức và căn cứ kiểm tra

1. Kiểm tra thường xuyên, định kỳ, căn cứ theo kế hoạch được người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

2. Kiểm tra đột xuất, căn cứ theo yêu cầu chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan có thẩm quyền hoặc khi phát hiện cơ quan, đơn vị, địa phương, cá nhân có dấu hiệu không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nội dung nhiệm vụ được giao.

Điều 16. Quyết định thành lập Tổ Công tác để kiểm tra

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định thành lập và Quy chế hoạt động của Tổ Công tác.

2. Căn cứ nội dung kiểm tra, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cụ thể thành phần Tổ Công tác.

3. Tổ Trưởng Tổ Công tác có trách nhiệm phê duyệt Kế hoạch hoạt động của Tổ Công tác, quyết định nội dung và cơ quan, đơn vị, địa phương kiểm tra.

Điều 17. Tổ chức kiểm tra

1. Tổ Trưởng Tổ Công tác tổ chức triển khai thực hiện việc kiểm tra theo đúng kế hoạch đã được phê duyệt.

2. Trong quá trình kiểm tra nếu thấy cần thiết, Tổ Trưởng Tổ Công tác được quyền mời các cơ quan, đơn vị, địa phương, cá nhân có liên quan đến nội dung kiểm tra tham dự cùng Tổ Công tác. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được mời có trách nhiệm tham dự và chuẩn bị nội dung làm việc cùng Tổ Công tác.

3. Cơ quan, đơn vị, địa phương, cá nhân là đối tượng kiểm tra hoặc có liên quan có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao; cung cấp hồ sơ, tài liệu, thông tin theo yêu cầu của Tổ Công tác theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Báo cáo kết quả kiểm tra

1. Đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương: chậm nhất 10 ngày làm việc sau khi kết thúc kiểm tra phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan, đơn vị quản lý ngành, lĩnh vực kết quả kiểm tra, đồng thời gửi Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để theo dõi, tổng hợp.

2. Đối với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: chậm nhất 10 ngày làm việc sau khi kết thúc kiểm tra phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân

tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao; đồng thời thông báo kết quả kiểm tra đến cơ quan, đơn vị, địa phương được kiểm tra.

3. Nội dung báo cáo kết quả kiểm tra:

a) Đánh giá việc tổ chức triển khai thực hiện, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao; đánh giá việc cập nhật thông tin về nhiệm vụ, tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao và việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo;

b) Kết luận nội dung kiểm tra: kết luận nội dung kiểm tra phải đánh giá cụ thể về kết quả thực hiện nhiệm vụ. Trường hợp chưa thực hiện hoặc thực hiện không đúng nhiệm vụ được giao phải xác định rõ tính chất, mức độ, nguyên nhân, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc chưa thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao;

c) Kiến nghị với cơ quan, người có thẩm quyền các biện pháp đôn đốc, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao hoặc điều chỉnh nhiệm vụ được giao (nếu cần); biện pháp xử lý vi phạm (nếu có).

Mục 4

CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

Điều 19. Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Hỗ trợ và cung cấp thông tin có liên quan cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao trên Hệ thống giám sát.

2. Tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao. Định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Báo cáo, kiến nghị kịp thời với Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp cần thiết nhằm đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện các nhiệm vụ được giao đã đến hạn quy định nhưng chưa thực hiện, triển khai thực hiện không đúng yêu cầu đề ra hoặc khi có các vấn đề phát sinh.

4. Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình cập nhật và kết quả thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

5. Trong quá trình theo dõi, đôn đốc, nếu nhận được thông tin phản hồi của Ủy ban nhân dân các xã, phường về việc các sở, ban, ngành triển khai thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao có liên quan đến các xã, phường mà không đúng thời hạn hoặc không đúng yêu cầu, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm kiểm tra các thông tin phản hồi; trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin phản hồi của Ủy ban nhân dân các xã, phường, phải có văn bản đôn đốc các sở, ban, ngành có liên quan thực hiện hoặc báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Văn bản đôn đốc hoặc văn bản thông báo ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được đồng thời gửi đến Ủy ban nhân dân các xã, phường có thông tin phản hồi để biết.

Điều 20. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Rà soát, tổng hợp, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao trong phạm vi quản lý của mình. Định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm hoặc trong trường hợp đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh gửi báo cáo đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để tổng hợp.

2. Các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao đã đến hạn theo quy định nhưng chưa triển khai thực hiện, không đủ khả năng, điều kiện thực hiện hoặc triển khai thực hiện không đúng yêu cầu thì phải trao đổi, thông báo kịp thời bằng văn bản cho Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân; phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hướng xử lý đối với các trường hợp này.

3. Đối với các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện có liên quan đến các sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị nhưng không được Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện đúng thời hạn, đúng yêu cầu thì các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm phản hồi thông tin kịp thời về Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để có cơ sở đôn đốc Ủy ban nhân dân các xã, phường triển khai thực hiện.

Điều 21. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường

1. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các xã, phường là đơn vị đầu mối tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện các nội dung: cập nhật thông tin nhiệm vụ được giao; kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo trong quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Hệ thống giám sát.

2. Rà soát, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao trong phạm vi quản lý của mình. Định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm hoặc trong trường hợp đột xuất theo yêu

cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh gửi báo cáo đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để tổng hợp.

3. Đối với các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân các xã, phường giao vượt quá khả năng, điều kiện thực hiện hoặc có khó khăn, vướng mắc, yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường phải chủ động thông tin, báo cáo kịp thời với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan để tổng hợp, đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến chỉ đạo.

4. Đối với các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị thực hiện có liên quan đến Ủy ban nhân dân các xã, phường nhưng không được các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị thực hiện đúng thời hạn, đúng yêu cầu; Ủy ban nhân dân các xã, phường có trách nhiệm phản hồi thông tin kịp thời về Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để có cơ sở đôn đốc các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện.

Điều 22. Thời hạn thông tin, báo cáo định kỳ

1. Chậm nhất trước ngày 20 của tháng cuối quý, ngày 20 tháng 5 (đối với Báo cáo 6 tháng) và ngày 20 tháng 11 (đối với Báo cáo năm), các cơ quan, đơn vị, địa phương tổng hợp, gửi báo cáo tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao về Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Trên cơ sở số liệu của các cơ quan, đơn vị, địa phương trước ngày 25 của tháng cuối quý và ngày 25 tháng 12 hàng năm, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, xây dựng báo cáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Tổ chức thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn triển khai thực hiện Quy chế và sử dụng Hệ thống giám sát cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao; chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Hệ thống giám sát.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện nghiêm túc và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện Quy chế này. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao và các quy định tại Quy chế này, các cơ quan, đơn vị, địa phương chỉ đạo rà soát, bổ sung quy định theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các

nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao vào Quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần điều chỉnh, bổ sung nội dung Quy chế, các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.